

Bản án số: 12/2024/HS - ST
Ngày: 22 - 3- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: ông Mai Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Hòe.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại phòng xét xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2023/TLST - HS ngày 18/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Võ Thị V; sinh ngày 19 tháng 8 năm 1983, tại Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn R, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Thanh B và bà: Phạm Thị L; chồng: Nguyễn Hoài N; con: có 04 đứa, đứa lớn nhất sinh năm 2007, đứa nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Q, tỉnh Quảng Bình ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng (Quyết định số: 525 - QĐ/UBKTHU, ngày 19/02/2024). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt.

2. Cao Tiên D; sinh ngày 14 tháng 7 năm 1982, tại Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Ngọc Q và bà: Cao Thị M; vợ: Cao Thị Mỹ A; con: có 02 đứa, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị Ủy ban kiểm tra Huyện ủy M, tỉnh Quảng Bình ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng (Quyết định số: 87 - QĐ/UBKTHU, ngày 30/01/2024). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Chi cục thuế khu vực Đ - Q, Địa chỉ: Đường 23/8 phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Ngọc T - Chi cục trưởng;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa: ông Đặng Bảo L - Phó Chi cục trưởng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty TNHH Xây dựng và vật liệu B, địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: bà Võ Thị V (bị cáo trong vụ án)
- Giám đốc Công ty. Có mặt.

2. Công ty TNHH L, địa chỉ: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Xuân L - Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Võ Tiến D, sinh năm 1985, địa chỉ: 17 T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. Anh Trương Xuân L, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, địa chỉ: TDP H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4. Chị Cao Thị H, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

5. Chị Đinh Thị H, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

6. Chị Đinh Thị L, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

7. Anh Đinh Thanh L, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B có trụ sở tại thôn R, xã, huyện Q, tỉnh Quảng Bình được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên lần đầu ngày 22/01/2015 với mã số doanh nghiệp AAAAAA do ông Võ Tiến D, sinh ngày 24/5/1985 là người đại diện theo pháp luật giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc và bà Võ Thị V sinh ngày 19/8/1983 (chị gái của ông Võ Tiến D) là thành viên góp vốn. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là khai thác, chế biến đá, cát, sạn, đất các loại. Ngày 02/01/2019, bà Võ Thị V được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, từ năm 2019 đến năm 2020, Võ Thị V đã sử dụng 283 hóa đơn GTGT (Liên 2) không có hàng hóa dịch vụ đi kèm để kê khai trốn thuế, cụ thể như sau:

- Thông qua các lái xe thường xuyên qua lại nhà của mình, Võ Thị đã đưa thông tin của Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B nhờ họ lấy hóa đơn GTGT.

Tổng cộng các lái xe đã đưa cho Võ Thị V 254 hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ kèm theo, gồm:

+ 134 hoá đơn GTGT (Liên 2) (gồm: 88 hóa đơn GTGT của Công ty CP xăng dầu dầu khí V và 46 hóa đơn GTGT của Chi nhánh Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí V tại Quảng Bình) không có hàng hóa dịch vụ kèm theo của Công ty CP xăng dầu dầu khí V, mã số thuế 3000413193 có địa chỉ tại phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh với tổng giá trị hàng hóa **9.396.099.694** đồng (trong đó: hàng hóa trước thuế **8.541.908.805** đồng, thuế GTGT **854.190.889** đồng);

+ 120 hoá đơn GTGT (Liên 2) không có hàng hóa dịch vụ kèm theo của Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại và vận tải P tại Quảng Trị, mã số thuế: 0400332955-005, có địa chỉ tại thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị, tổng giá trị hàng hóa **2.309.631.478** đồng (trong đó: giá trị hàng hóa trước thuế **2.099.664.980** đồng, thuế GTGT **209.966.498** đồng);

Thông qua, việc thực hiện Hợp đồng kinh tế giữa Công ty TNHH xây dựng và vật liệu với Công ty TNHH L mã số thuế 3100413101 địa chỉ tại: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình về việc mua bán xăng dầu. Tổng cộng trong năm 2019 và 2020, Công ty TNHH L đã xuất cho Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B 106 hóa đơn GTGT có hàng hóa dịch vụ (xăng dầu) kèm theo với tổng giá trị hàng hóa là **10.526.951.617** đồng (trong đó: giá trị hàng hóa trước thuế **9.569.956.016** đồng, thuế GTGT **956.995.601** đồng). Ngoài những lần mua bán thực tế trên, Võ Thị V đã đặt vấn đề với Cao Tiến D là Kế toán Công ty TNHH L xin thêm một số hóa đơn GTGT để hạch toán thuế. Mặc dù biết rõ việc Võ Thị V sẽ sử dụng hóa đơn GTGT để kê khai hoạch toán thuế nhằm tăng chi phí sản xuất kinh doanh, giảm doanh thu nhằm mục đích trốn thuế. Nhưng do Võ Thị V là khách hàng thường xuyên mua hàng nên Cao Tiến D đã nhiều lần xuất với tổng số **29** hóa đơn GTGT (Liên 2) (là số hàng hóa mà người mua không lấy hóa đơn), không có hàng hóa dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH L, với tổng giá trị hàng hóa là **9.091.621.167** đồng, (trong đó giá trị hàng hóa trước thuế là **8.265.110.152** đồng, thuế GTGT: **826.511.015** đồng) cho Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B và giao cho Võ Thị V.

Tại Kết luận giám định số 3090/KL-GĐ ngày 31/7/2023 và Văn bản số 3763/CTQBI-TTKT ngày 22/9/2023 của Cục Thuế tỉnh Quảng Bình kết luận: Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B trốn thuế từ việc sử dụng 283 hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo là **2.104.187.606** đồng (*Hai tỷ, một trăm linh bốn triệu, một trăm tám mươi bảy ngàn, sáu trăm linh sáu đồng*), trong đó:

+Trốn thuế GTGT: **1.194.117.989** đồng (năm 2019: **782.625.179** đồng; năm 2020: **411.492.810** đồng);

+ Trốn thuế TNDN: **910.069.617** đồng (năm 2019: **665.231.396** đồng; năm 2020: **244.838.221** đồng).

Trong tổng số tiền trốn thuế nêu trên thì số tiền trốn thuế từ việc sử dụng 29 hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH L là **1.291.775.254** đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn, hai trăm năm mươi tư đồng), trong đó:

+Trốn thuế GTGT: **754.976.174** đồng (năm 2019: **343.483.364** đồng; năm 2020: **411.492.810** đồng);
+ Trốn thuế TNDN: **536.799.080** đồng (năm 2019: **291.960.859** đồng; năm 2020: **244.838.221** đồng).

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ 283 hóa đơn GTGT (liên 2) và các chứng từ tài liệu liên quan được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, Võ Thị V đã nộp số tiền 900.000.000 đồng khắc phục hậu quả. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Võ Thị V nộp thêm 1.204.187.606 đồng. Tổng số tiền đã nộp: 2.104.187.606 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT - VKS - P3 ngày 14/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Võ Thị V và Cao Tiến D về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự 2015.

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Võ Thị V và Cao Tiến D phạm tội “Trốn thuế”.

Về hình phạt: -Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị V từ 600.000.000 đồng đến 650.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Tiến D từ 500.000.000 đồng đến 550.000.000 đồng.

Miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Võ Thị V đã nộp đủ toàn bộ số tiền trốn thuế 2.104.187.606 đồng, nên không phải nộp thêm. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

+ Bị cáo Võ Thị V và bị cáo Cao Tiến D đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; vắng mặt toàn bộ người làm chứng, tuy nhiên sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Trong quá trình xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung của bản cáo trạng. Xét thấy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về quá trình, diễn biến phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong năm 2019 và 2020, Võ Thị V - Phó Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B (từ ngày 05/2/2021 đến nay Võ Thị V là giám đốc Công ty) đã sử dụng 283 hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ đi kèm của các đơn vị: Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí V, Chi nhánh Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí V tại Quảng Bình; Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại và vận tải P tại Quảng Trị và Công ty TNHH L với tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn 20.797.352.339 đồng (trong đó: tổng giá trị hàng hóa trước thuế 18.906.683.937 đồng; thuế GTGT: 1.890.668.402 đồng) để kê khai hạch toán hàng hóa, dịch vụ đầu vào báo cáo quyết toán thuế năm 2019 và 2020 nhằm mục đích khấu trừ tiền thuế phải nộp và đã trốn thuế của Nhà nước với số tiền 2.104.187.606 đồng (Hai tỷ, một trăm linh bốn triệu, một trăm tám mươi bảy ngàn, sáu trăm linh sáu đồng). Hành vi trên của Võ Thị V đã phạm vào tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Đối với Cao Tiến D (là kế toán của Công ty TNHH L), do có quan hệ quen biết với Võ Thị V, nên ngoài việc xuất hóa đơn theo hợp đồng mua hàng thực tế, thì D còn xuất thêm cho V 29 hóa đơn GTGT (là số hàng hóa mà người mua không lấy hóa đơn). Cao Tiến D là người được đào tạo về kế toán, biết rõ việc xuất khống hóa đơn là vi phạm pháp luật, nhưng Cao Tiến D vẫn thực hiện. Trên thực tế thì Võ Thị V đã sử dụng số hóa đơn mà Cao Tiến D xuất thêm để trốn thuế của Nhà nước với số tiền 1.291.775.254 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn, hai trăm năm mươi bốn đồng). Vì vậy, Cao Tiến D là đồng phạm của Võ Thị V trong tội “Trốn thuế”, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về tài chính, kinh tế, thuế. Các bị cáo là người có đầy đủ nhận thức, năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên đã có hành vi trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, do đó cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[4] Trong vụ án này, Võ Thị V là người giữ vai trò chính, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nên Võ Thị V phải chịu trách nhiệm chính và phải chịu hình phạt cao hơn so với Cao Tiến D.

Bị cáo Võ Thị V bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo V đã tự nguyện nộp số tiền **2.104.187.606** đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông bà ngoại và bà nội là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; có mẹ là người có công với cách mạng; bản thân bị cáo đã tích cực tham gia phòng, chống chống dịch bệnh covid và làm từ thiện; hiện tại bị cáo đang trực tiếp nuôi 4 đứa con nhỏ; bị cáo có quá trình nhân thân tốt, các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Bị cáo

Võ Thị V phạm tội thuộc lĩnh vực kinh tế, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, có điều kiện về tài sản. Mặt khác trong điều luật cũng có quy định hình phạt tiền là hình phạt chính, do đó cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Đối với Cao Tiến D, quá trình xuất hóa đơn cho Võ Thị V thì D không hưởng lợi ích vật chất gì, tuy nhiên việc xuất hóa đơn không đúng quy định của D đã tạo điều kiện cho Võ Thị V thực hiện hành vi trốn thuế. Do đó, bị cáo Cao Tiến D phải chịu trách nhiệm với vai trò người giúp sức trong vụ án và chịu hình phạt nhẹ hơn Võ Thị V.

Bị cáo D cũng bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố là người có công với cách mạng; ngoài ra ngày 28/6/2020 bị cáo D đã chủ động cung cấp thông tin vi phạm pháp luật về tổ chức đánh bạc tại khu vực ngã ba Khe Ve thuộc xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cho Công an huyện Minh Hóa xử lý khởi tố vụ án góp phần đảm bảo tình hình trật tự trên địa bàn (có xác nhận của Công an huyện Minh Hóa), nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo D phạm tội với vai trò giúp sức, có 2 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cũng cần áp dụng hình phạt tiền và quyết định cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Võ Thị V và bị Cao Tiến D bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc các hình phạt bổ sung khác.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền mà bị cáo Võ Thị V trốn thuế của Nhà nước được xác định trong vụ án là 2.104.187.606 đồng. Do đó, buộc bị cáo V phải chịu trách nhiệm nộp lại số tiền đã trốn thuế 2.104.187.606 đồng. Hiện tại bị cáo V đã nộp đủ số tiền 2.104.187.606 đồng để khắc phục hậu quả (Trong đó 900.000.000 đồng nộp trong quá trình điều tra và 1.204.187.606 đồng nộp tại giai đoạn chuẩn bị xét xử).

Chi cục thuế khu vực Đ - Q là đơn vị được giao nhiệm vụ thu thuế đối với Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B. Do đó, số tiền mà bị cáo Võ Thị V đã nộp ở trên được chuyển đến Chi cục thuế khu vực Đ - Q để xử lý tiền thuế theo quy định.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 283 hóa đơn GTGT (liên 2) và các chứng từ tài liệu khác liên quan đến vụ án. Xét thấy các tài liệu, vật chứng trên đang được lưu giữ và đánh số bút lục trong hồ sơ vụ án, nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án (là thành phần của hồ sơ vụ án). Do đó, Hội đồng xét xử không tuyên xử lý các tài liệu này.

[9] Những nội dung khác có liên quan trong vụ án:

- Quá trình điều tra xác định 254 hóa đơn GTGT (Liên 2) do các lái xe cung cấp mà Võ Thị V sử dụng để kê khai trốn thuế đã bị tẩy xóa, sửa chữa, không trùng khớp với nội dung Liên 1 được lưu giữ tại các đơn vị đã xuất hóa đơn, nhưng Võ Thị V không biết việc tẩy xóa, sửa chữa hóa đơn nên không có căn cứ xử lý hành vi sử dụng tài liệu giả.

- Đối với ông Võ Tiến D, tại thời điểm năm 2019 và 2020 là Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B nhưng Võ Tiến D đã giao cho bà Võ Thị V điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, mua bán hàng hóa, xuất hóa đơn GTGT, thu chi, quản lý, kê khai thuế và hạch toán thuế của Công ty. Ông Võ Tiến D không biết việc bà Võ Thị V sử dụng hóa đơn GTGT không để kê khai trốn thuế nên không xử lý ông Võ Tiến D và Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B.

- Đối với bà Nguyễn Thị T được làm kế toán thời vụ cho Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B từ năm 2018 cho đến nay có nhiệm vụ nhận hóa đơn từ bà Võ Thị V cung cấp và làm hồ sơ báo cáo thuế nhưng không biết bà V sử dụng hóa đơn GTGT không để kê khai trốn thuế nên không xử lý.

- Đối với ông Trương Xuân L- Giám đốc Công ty TNHH L đã giao hoàn toàn việc quản lý hóa đơn, mua bán hàng hóa, kê khai hạch toán thuế của Công ty cho Cao Tiến D. Ông L không biết hành vi xuất hóa đơn GTGT không có hàng hóa của Cao Tiến D nên không xử lý ông Trương Xuân L và Công ty TNHH L.

- Đối với Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí V, Chi nhánh Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí V tại Quảng Bình; Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại và vận tải P tại Quảng Trị không có mối liên hệ gì với Công ty TNHH xây dựng và vật liệu B. Đối chiếu với hóa đơn GTGT (Liên 1) được lưu tại trụ sở các đơn vị này thì người mua hàng không phải là Công ty TNHH Xây dựng và Vật liệu B. Nhân viên bán hàng của đơn vị này xuất hóa đơn cho khách hàng theo nội dung họ kê khai, quá trình điều tra không chứng minh được đối tượng thực hiện việc tẩy xóa, sửa chữa hóa đơn (liên 2) nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với các lái xe có hành vi cung cấp hóa đơn GTGT không cho Võ Thị V nhưng quá trình điều tra không làm rõ được nhân thân lai lịch nên không có cơ sở để xử lý.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Thị V và bị cáo Cao Tiến D phạm tội “Trốn thuế”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị V 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

2.2. Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Tiến D 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Võ Thị V phải nộp lại toàn bộ số tiền đã trốn thuế 2.104.187.606 đồng.

Xác nhận bị cáo Võ Thị V đã nộp đủ 2.104.187.606 đồng (Trong đó 900.000.000 đồng nộp trong quá trình điều tra hiện có tại Tài khoản: 3949.0.1054377.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình tại kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Bình, theo ủy nhiệm chi ngày 20/12/2023; và 1.204.187.606

đồng nộp tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số: 0004765 ngày 22/02/2024 và Biên lai thu tiền số 0004771 ngày 21/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình).

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền 2.104.187.606 đồng mà bị cáo Võ Thị V đã nộp ở trên cho Chi cục thuế khu vực Đ - Q để xử lý tiền thuế theo quy định.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Thị V và bị cáo Cao Tiên D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình (P1);
- Văn phòng Điều tra CAQB;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Phòng KT NV & THA Tòa án tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh Q. Bình;
- Bị cáo, người liên quan trong vụ án;
- Chi cục thuế khu vực Đồng Hới-Quảng Ninh;
- Lưu Tòa HS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ